

Bản án số: 62/2020/HS-PT
Ngày 19-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 19 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 252/2019/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thanh S, Trương Văn Chí L, Võ Út C, Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B và Huỳnh Ngọc T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 319/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Ngọc T; tên gọi khác: H; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1982 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số X khu phố H1, phường H2, thành phố T3, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C1 và bà Lê Thị C2; có vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T4; có 01 người con (sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04 tháng 6 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã T3, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thanh S; sinh năm 1985 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: số X1 ấp T5, xã T6, huyện T7, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B3; có vợ là bà Nguyễn Thị Thùy D1; có 02 người con (sinh năm 2014 và 2019); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 13 tháng 4 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T3, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 (bốn) tháng 09 (chín) ngày tù về tội “Đánh bạc”; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

3. Trương Văn Chí L; sinh năm 1982 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H3, xã P, huyện P1, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T8 và bà Nguyễn Thị T9; có vợ là bà Võ Thị Tuyết M (đã ly hôn); có 01 người con (sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07 tháng 8 năm 2012, bị Công an huyện P1, tỉnh An Giang xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

4. Võ Út C; tên gọi khác: L; sinh ngày 6 tháng 11 năm 1987 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp R, xã T10, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành Q và bà Đàm Thị D; sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Thanh S (không đăng ký kết hôn), có 02 người con (sinh năm 2016 và 2019); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

5. Nguyễn Chí T1; tên gọi khác: N; sinh ngày 9 tháng 10 năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số X2 khu phố H1, phường H2, thành phố T3, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Chí H4 và bà Nguyễn Thu T11; có vợ là bà Phạm Thị Cẩm V; có 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

6. Đặng Phương B; sinh năm 1978 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H5, xã P, huyện P1, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Công Đ và bà Trương Thị T12; có vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm L1; có 01 người con (sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

7. Huỳnh Ngọc T2; sinh ngày 17 tháng 5 năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số X3 đường Nguyễn Văn Q, X4, Khu phố X5, phường Đ1, Quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Huỳnh Văn X7 và bà Mai Thị R1; có vợ là bà Lưu Hồng C3 và có 02 người con (sinh năm 2014 và 2017); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Vũ Văn T13 và ông Trần Văn T14 là Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn L2 - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T (vắng mặt, có đơn đề ngày 14 tháng 5 năm 2020 xin xét xử vắng mặt, có gửi bài bào chữa đề ngày 08 tháng 5 năm 2020).

Ngoài ra, có 19 bị cáo và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo và 01 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại vườn tràm thuộc X5, khu phố X8, phường A1, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương, bị cáo Bò Minh T15 đã tổ chức cho nhiều người đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức “lắc tài xỉu” nhằm thu tiền xâu. Bị cáo Trần Ngọc T làm cái cho các bị cáo Phan Bửu H6, Lê Thái T16, Huỳnh Quốc C4, Nguyễn Chí T1, Đặng Văn Gió N1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh H7, Đặng Phương B, Nguyễn Văn H8, Nguyễn Hoài A2, Nguyễn Văn T17, Huỳnh Ngọc T2, Nguyễn Văn K, Nguyễn Tấn B2, Đặng Hòa C5, Trần Văn T18, Nguyễn Văn S1, Đỗ Hữu N2, Trương Văn Chí L, Phạm Thị Kim L3, Dương Thúy Đ2, Võ Út C và Trần Tấn P1 tham gia đánh bạc. Trong đó, bị cáo P1 góp số tiền 1.500.000 đồng với bị cáo T để làm cái. Bị cáo T1 đánh bạc thua nên không tiếp tục đánh bạc mà phụ giúp bị cáo T thu, chi tiền thắng thua. Mỗi ván người tham gia đánh bạc đặt từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 40.200.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 109.680.000 đồng thu giữ trên người của các bị cáo, 01 bộ lắc xí ngầu, 01 tấm bạt, 06 bộ bài và 02 vỏ gói thuốc lá Jet.

Quá trình điều tra, xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau: T 30.000.000 đồng, T1 1.000.000 đồng, C 500.000 đồng, N2 3.000.000 đồng, T18 1.600.000 đồng, L 700.000 đồng, Tấn B2 8.400.000 đồng, H8 300.000 đồng, Phương B 1.500.000 đồng, A2 13.000.000 đồng, K 600.000 đồng, T2 400.000 đồng, S1 4.500.000 đồng, C5 650.000 đồng, L3 1.500.000 đồng, Đ2 16.000.000 đồng, S 3.500.000 đồng, H7 600.000 đồng, C4 450.000 đồng, H6 8.780.000 đồng, N1 3.300.000 đồng, T16 4.500.000 đồng, T17 2.400.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo P1 sử dụng 1.500.000 đồng góp với bị cáo T để làm cái.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 319/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 47, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo: Trương Văn Chí L, Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2, Võ Út C.

- Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 47, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo: Trần Ngọc T, Nguyễn Thanh S.

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc T, Trương Văn Chí L, Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2, Võ Út C, Nguyễn Thanh S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Xử phạt bị cáo Trương Văn Chí L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Xử phạt bị cáo Võ Út C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Xử phạt bị cáo Đặng Phương B 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T2 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo còn lại từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về các tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, bị cáo Huỳnh Duy P2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, bị cáo Huỳnh Duy P2 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại Thông báo về việc rút kháng cáo số 02/2020/TB-TA ngày 03 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thông báo về việc bị cáo P2 rút đơn kháng cáo.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, các bị cáo Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2, Trương Văn Chí L, Trần Ngọc T, Võ Út C, Nguyễn Chí T1 có đơn kháng cáo. Ngày 04 tháng 12 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thanh S, Trương Văn Chí L, Võ Út C, Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B và Huỳnh Ngọc T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin hưởng án treo nhưng các bị cáo L, C, T1, Đặng Phương B và S không cung cấp tình tiết mới. Bị cáo T2 cung cấp tài liệu thể hiện có ông ngoại là ông Mai Ngọc S2 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo T có chú ruột là ông Trần Văn H9 là người có công với cách mạng nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo P2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đã rút đơn kháng cáo, căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo. Các bị cáo T và S có nhân thân xấu, từng chấp hành án về tội “Đánh bạc”. Bị cáo L từng bị xử phạm vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng tiếp tục thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Để có tác dụng giáo dục các bị cáo, nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo T, S và L là phù hợp. Đối với các bị cáo C, T1, B và T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ và số tiền dùng đánh bạc không lớn (bị cáo C 500.000 đồng, bị cáo T1 1.000.000 đồng, bị cáo B 1.500.000 đồng và bị cáo T2 400.000 đồng) và bị cáo T2 có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền dùng đánh bạc ngày 16 tháng 01 năm 2019 là chưa phù hợp, cần xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 89.880.000 đồng. Số tiền thu giữ trên người bị cáo T15 là 21.500.000 đồng, trong đó thu tiền xâu ngày 16 tháng

01 năm 2019 là 1.000.000 đồng, 20.500.000 đồng còn lại là số tiền thu lợi bất chính từ những ngày trước. Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo P2 là số tiền thu lợi bất chính. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo T15 và bị cáo P2 nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính nhưng lại không trừ số tiền đã thu giữ của các bị cáo T15 và P2 là ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, S và L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo về phần hình phạt và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, T1, Phương B và T2, sửa Bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt các bị cáo C, T1, Đặng Phương B và T2 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tuyên khấu trừ cho bị cáo T15 số tiền 20.500.000 đồng và bị cáo P2 số tiền 1.000.000 đồng.

Trong bài bào chữa, người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Người bào chữa thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo T nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già, con nhỏ, có vợ đang bị thất nghiệp và có chú ruột là ông Trần Văn H10 là người có công với cách mạng. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt hợp tình, hợp lý cho bị cáo để bị cáo có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, làm lại cuộc đời.

Các bị cáo không tự bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: Bị cáo đã biết lỗi, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo về lo cho gia đình.

Bị cáo S: Bị cáo có con còn nhỏ, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ để về lo cho con và mẹ già.

Bị cáo L: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về nuôi cha mẹ già.

Bị cáo C: Bị cáo có cha mẹ già trên 70 tuổi và có 02 con nhỏ, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo về lo cho cha mẹ già và con nhỏ.

Bị cáo T1: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về lo cho vợ con.

Bị cáo Phương B: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo còn mẹ già.

Bị cáo T2: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo vì bị cáo đã rất ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận vào ngày ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại vườn tràm thuộc X5, Khu phố X8, phường A1, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Chí T1, Nguyễn Thanh S, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2, Trương Văn Chí L và Võ Út C cùng 19 bị cáo khác đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với hình thức lắc tài xỉu. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trên 50.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Quá trình điều tra, bị cáo T15 khai là đến thời điểm bị bắt quả tang, bị cáo T15 đã tổ chức đánh bạc được 01 tháng, thu lợi bất chính (tiền xâu) là 60.000.000 đồng, đã thanh toán tiền công cho bị cáo P2 8.000.000 đồng, trả tiền công cho bị cáo Đ3 900.000 đồng. Khi cơ quan Công an bắt quả tang các bị cáo đánh bạc, thu giữ của bị cáo T15 21.500.000 đồng trong đó có 1.000.000 đồng là tiền bị cáo T15 thu xâu ngày 16 tháng 01 năm 2019, còn 20.500.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo vào ngày 16 tháng 01 năm 2019 mà là tiền bị cáo T15 thu tiền xâu khi tổ chức đánh bạc những ngày trước. Bị cáo P2 bị thu giữ 1.000.000 đồng là tiền công được bị cáo T15 trả những ngày trước, không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo vào ngày 16 tháng 01 năm 2019. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 111.380.000 đồng là không chính xác vì không thể cộng số tiền các bị cáo thu được những ngày trước (tiền xâu của bị cáo T15 và tiền công của bị cáo P2) vào số tiền đánh bạc ngày 16 tháng 01 năm 2019. Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại số tiền các bị cáo đánh bạc là 89.880.000 đồng (111.380.000 đồng – 20.500.000 đồng – 1.000.000 đồng = 89.880.000 đồng).

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự

công cộng, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo là đúng.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo T1, Phương B, T2, L và C với lý do các bị cáo phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ là đã chiều cố cho các bị cáo.

[7] Sau khi cân nhắc tính chất của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt các bị cáo T 04 năm tù, S 03 năm 09 tháng tù, T1 03 năm tù, Phương B 03 năm tù, T2 03 năm tù, L 03 năm tù và C 03 năm tù là thỏa đáng, không nặng. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T, S, Phương B, T1, T2, L và C.

[8] Bị cáo T2 xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm tài liệu chứng minh bản thân là bộ đội xuất ngũ, có ông ngoại là ông Mai Ngọc S2 được thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo Phương B, T1, T2 và C bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo Phương B, T1, T2 và C đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phương B, T1, T2 và C, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Phương B, T1, T2 và C.

[9] Bị cáo T có vai trò là người làm cái, dùng 30.000.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt tù 04 (bốn) năm, đã từng bị xử phạt về hành vi đánh bạc. Việc bị cáo T có chú là người có công với đất nước không thể áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo S bị xử phạt 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, từng bị xử phạt tù về hành vi đánh bạc. Bị cáo L từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Tính chất, mức độ của tội phạm lần này các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng. Việc cho các bị cáo T, S và L hưởng án treo sẽ gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên các bị cáo T, S và L không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại

Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, S và L, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo T, S và L.

[10] Như đã phân tích về số tiền đánh bạc và tiền xâu của các bị cáo tại đoạn [4], Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T15 nộp 51.100.000 đồng, bị cáo P2 nộp 8.000.000 đồng (không trừ 20.500.000 đồng trong số 21.500.000 đồng đã thu của bị T15 và không trừ 1.000.000 đồng thu của bị cáo P2 khi bắt quả tang các bị cáo đánh bạc) là chưa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, buộc bị cáo T15 phải nộp 30.600.000 đồng, bị cáo P2 phải nộp 7.000.000 đồng thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo đánh bạc không chính xác nên quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 111.380.000 đồng là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 89.880.000 đồng.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm khác với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm không được chấp nhận.

[13] Kháng cáo của các bị cáo T, S và L không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Sau đây viết là Nghị quyết số 326) và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

[14] Kháng cáo của các bị cáo T1, Phương B, T2 và C được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thanh S và Trương Văn Chí L, giữ nguyên phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 319/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị

xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thanh S và Trương Văn Chí L.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2 và Võ Út C, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 319/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2 và Võ Út C.

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc T, Trương Văn Chí L, Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2, Võ Út C và Nguyễn Thanh S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trương Văn Chí L 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đến ngày 26 tháng 01 năm 2019.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Võ Út C 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Đặng Phương B 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T2 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục như sau: Giao bị cáo Võ Út C cho Ủy ban nhân dân xã T10, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Giao bị cáo Nguyễn Chí T1

cho Ủy ban nhân dân phường H2, thành phố T3, tỉnh Bình Dương. Giao bị cáo Đặng Phương B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P1, tỉnh An Giang. Giao bị cáo Huỳnh Ngọc T2 cho Ủy ban nhân dân phường Đ1, Quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Buộc bị cáo Bồ Minh T15 nộp 30.600.000 (ba mươi triệu, sáu trăm ngàn) đồng, bị cáo Huỳnh Duy P2 nộp 7.000.000 (bảy triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 89.880.000 (tám mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn) đồng (khoản tiền này trong nội dung ủy nhiệm chi ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Công an thị xã T3, tỉnh Bình Dương cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T3, tỉnh Bình Dương tại Kho bạc Nhà nước thị xã T3, tỉnh Bình Dương).

Các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thanh S và Trương Văn Chí L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2 và Võ Út C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích về án treo cho các bị cáo Nguyễn Chí T1, Đặng Phương B, Huỳnh Ngọc T2 và Võ Út C.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T3, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T3, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T3, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng (10);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T3, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh

trú (thay văn bản thông báo) (7);
- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NTN, 29.